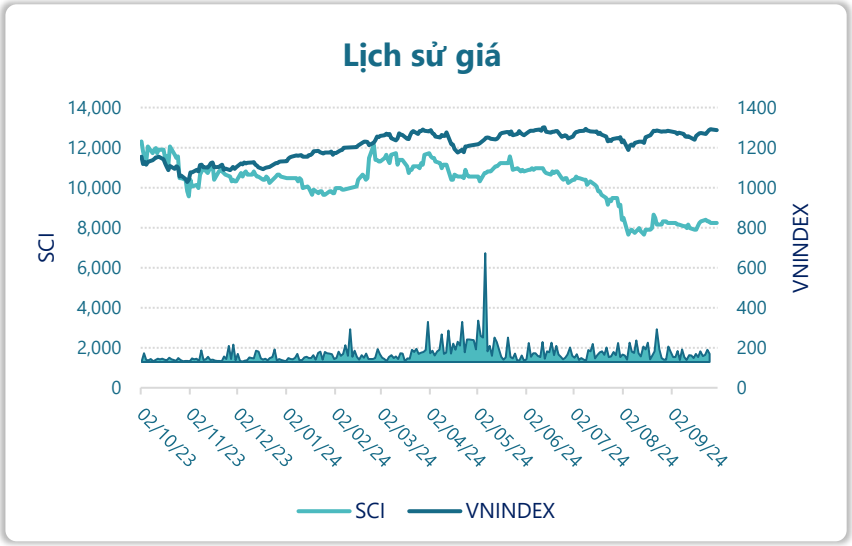
FireAnt

CTCP SCI E&C (HNX: SCI)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,307
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,651
SL cổ phiếu LH	25,409,847
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,240
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	252
P/E	32.6
EPS	304

DT thuần

Q3/24

237

tỷ VNĐ

QoQ: ▼44.0| -15.8%

YoY: ▲ 82.0| 52.7%

LN sau thuế

Q3/24

0.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.11| -69.0%

YoY: ▼5.82| -92.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

4.3%

+/- YoY: ▼ 4.0%

DT thuần

9T 2024

773

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00| 0.5%

LN sau thuế

9T 2024

5.20

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.4| -72.0%

ROE

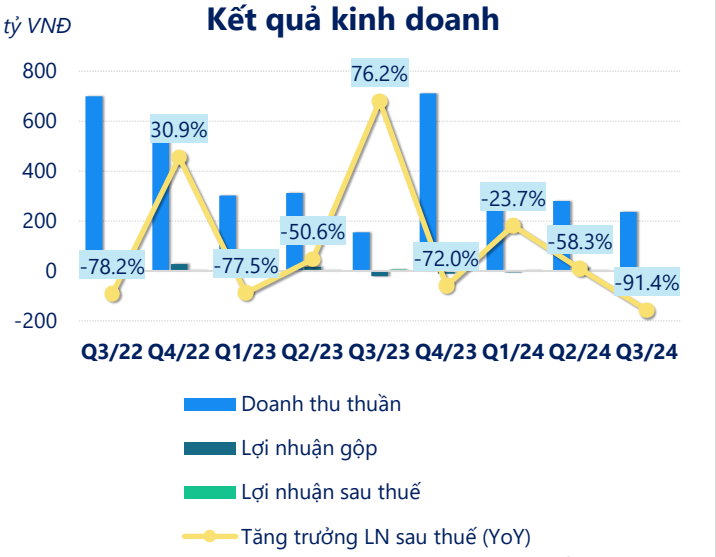
Q3/24

1.5%

+/- YoY: ▼ 3.1%

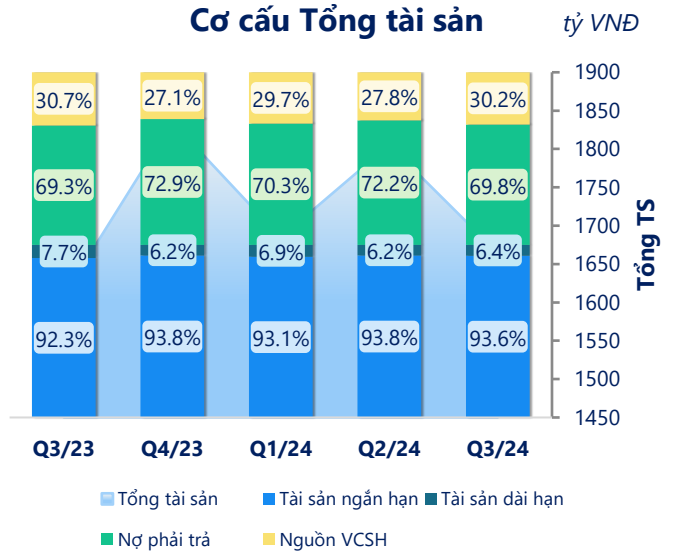
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



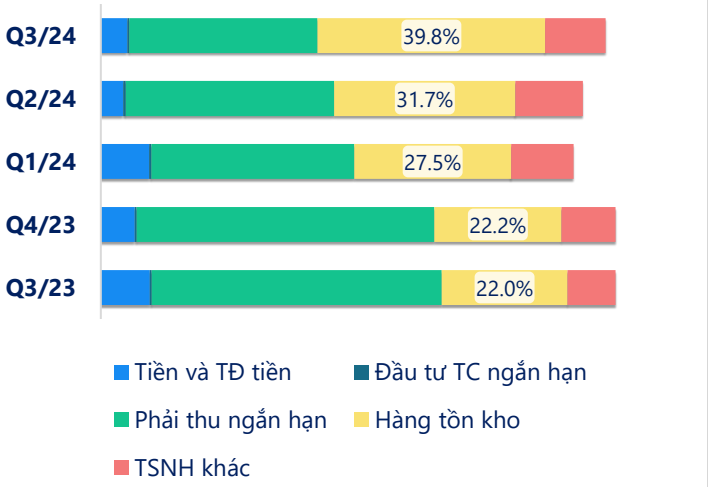
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



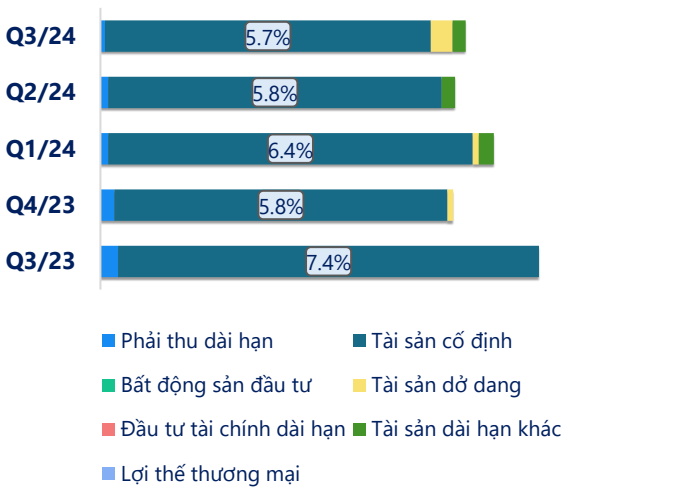
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



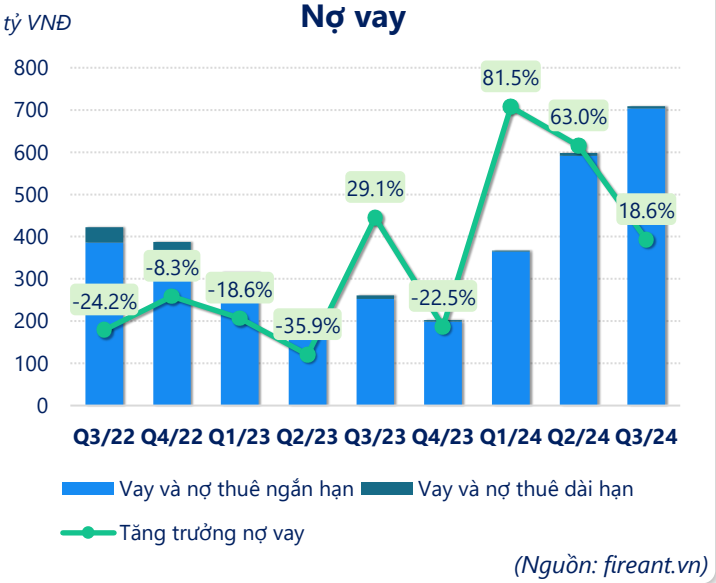
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



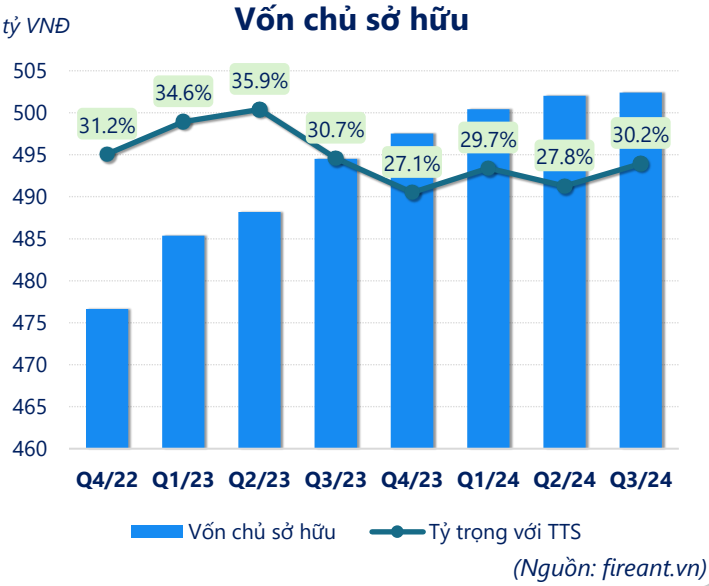
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



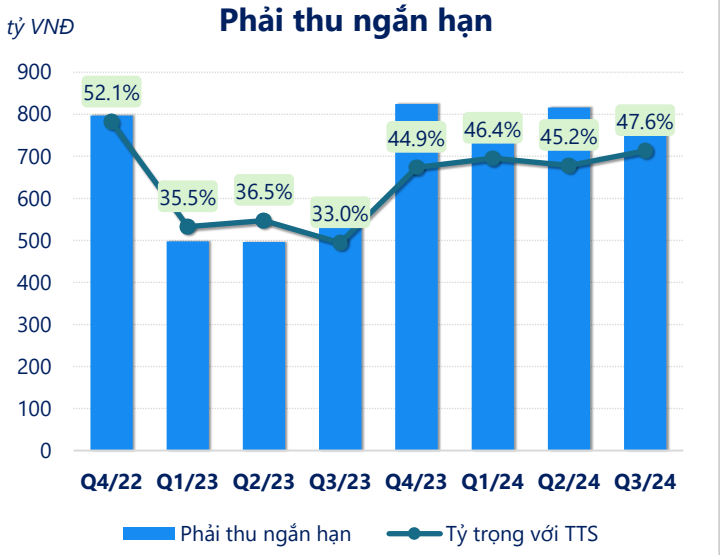
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



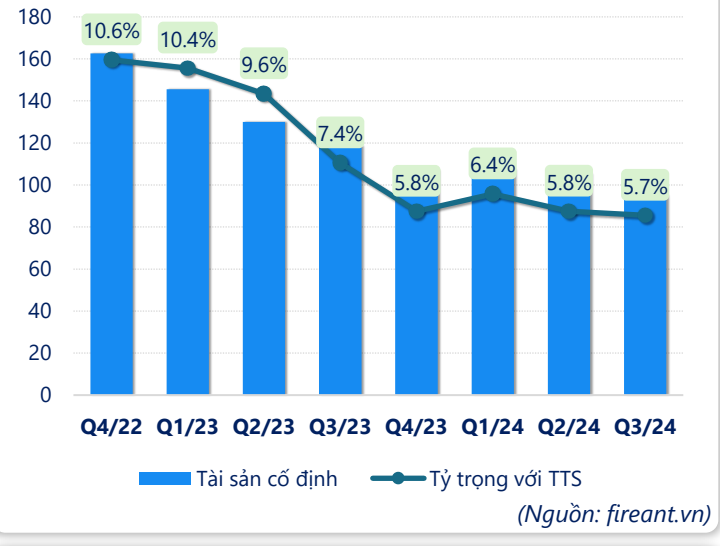
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



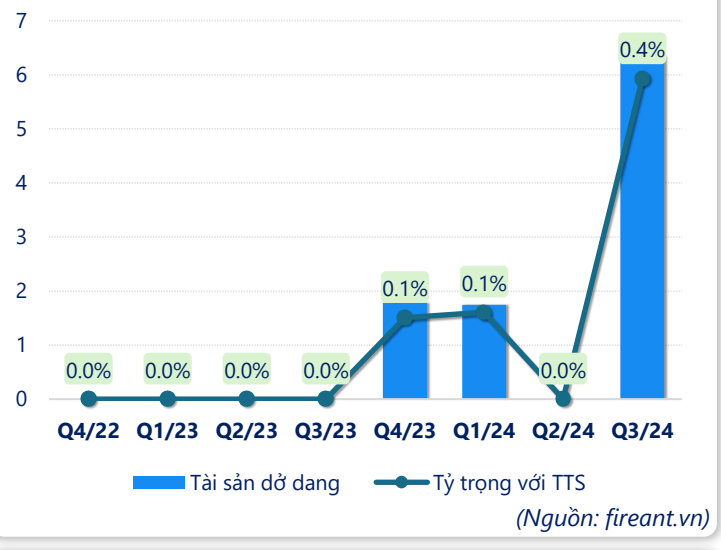
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



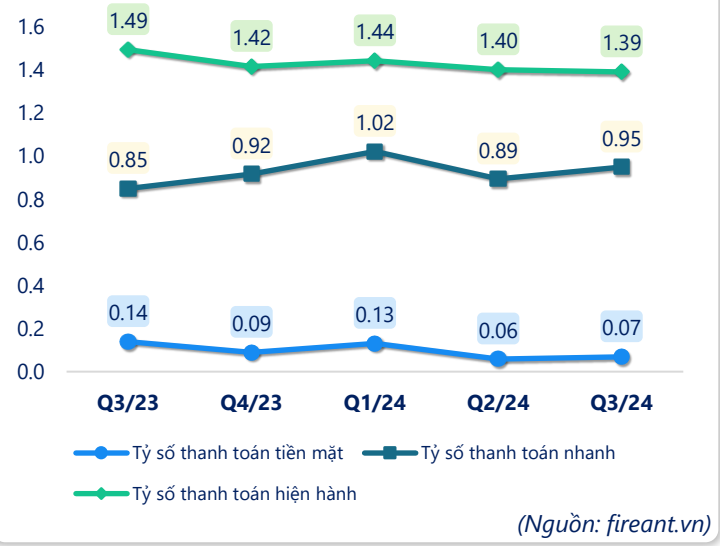
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



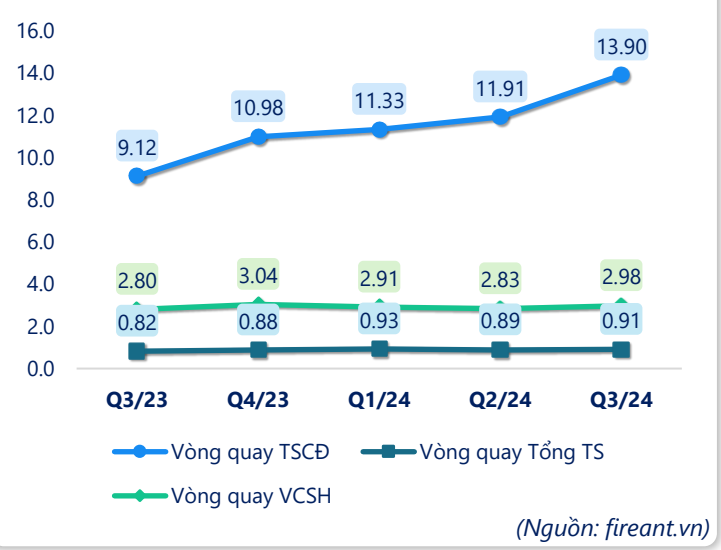
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**1,609**	**1,835**	**1,685**	**1,805**	**1,665**
Tài sản ngắn hạn	**1,485**	**1,722**	**1,569**	**1,693**	**1,558**
Tiền và tương đương tiền	138	109	142	70.6	77.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.85	5.98	5.98	6.18	6.18
Phải thu ngắn hạn	530	824	781	816	792
Hàng tồn kho	640	607	457	613	495
Tài sản ngắn hạn khác	171	176	182	187	188
Tài sản dài hạn	**123**	**113**	**116**	**112**	**106**
Phải thu dài hạn	4.98	4.46	2.26	2.45	1.31
Tài sản cố định	119	107	108	105	95.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	1.78	1.74	0	6.34
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	4.48	4.32	3.81
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,114**	**1,338**	**1,184**	**1,303**	**1,162**
Nợ ngắn hạn	**994**	**1,216**	**1,088**	**1,209**	**1,121**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	253	199	364	591	704
Phải trả người bán ngắn hạn	285	316	248	249	169
Nợ dài hạn	120	121	96.3	93.9	41.6
Vay và nợ thuê dài hạn	8.36	3.32	2.53	6.71	5.55
Nguồn vốn chủ sở hữu	**495**	**498**	**500**	**502**	**502**
Vốn chủ sở hữu	**495**	**498**	**500**	**502**	**502**
Vốn điều lệ	254	254	254	254	254
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)